

**THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THEO TT36
CỦA TRƯỜNG MN XUÂN TIẾN**

Thực hiện công văn số 118/GDDT-KTr ngày 23 tháng 5 năm 2022 V/v: Thực hiện công khai của cơ sở giáo dục năm học 2023 – 2024, Trường Mầm non Xuân Tiến thông báo:

1. Nội dung:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục của trường Mầm non Xuân Tiến năm học 2023 - 2024;
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường Mầm non Xuân Tiến năm học 2023 - 2024;
- Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Xuân Tiến năm học 2023 - 2024;
- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường Mầm non Xuân Tiến năm học 2023 - 2024;
- Công khai thông tin về tài chính năm học 2023 - 2024;

2. Thời gian: Từ ngày 10/06/2024 đến hết ngày 10/07/2024.

3. Địa điểm: Bảng thông báo của Nhà trường, trên trang website nhà trường .

Xuân Tiến, ngày 10 tháng 06 năm 2024



Phạm Thị Hoa Phượng

Số: 58./QĐ-MNXT

Xuân Tiến, ngày 10 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện công khai năm học 2023 - 2024
của Trường Mầm non Xuân Tiến theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON XUÂN TIẾN

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2023 - 2024 của trường Mầm non Xuân Tiến;
Xét đề nghị của bộ phận tài vụ nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục năm học 2023 - 2024 của trường Mầm non Xuân Tiến theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT (Các biểu đính kèm) bằng hình thức niêm yết công khai tại các điểm trường và đăng tải trên website của nhà trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận chuyên môn, tài vụ của nhà trường và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Xuân Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu :VP

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hoa Phượng

Xuân Tiến, ngày 10 tháng 06 năm 2024

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC NỘI DUNG
THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 36/2017/TT-BGDĐT
Năm học 2023 - 2024

I. Thời gian: Từ 8 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 6 năm 2024.

II. Địa điểm: Tại phòng hội đồng Trường Mầm non Xuân Tiến

III. Thành phần

1. Chủ tọa: Bà: Phạm Thị Hoa Phượng - Hiệu trưởng
2. Thư ký: Bà: Bùi Thị Hồng Xiêm - Giáo viên – Thư ký HĐGD
3. Cùng toàn thể các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

IV. Nội dung cuộc họp

4. Bà Phạm Thị Hoa Phượng - Hiệu trưởng trường Mầm non Xuân Tiến thông qua nội dung cuộc họp: Niêm yết công khai năm học 2023 -2024 của trường Mầm non Xuân Tiến theo các nội dung đã được quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT bằng 2 hình thức:

- Niêm yết công khai tại bảng thông báo phòng họp tại các điểm trường;
- Đăng tải toàn bộ nội dung công khai trên website của nhà trường tại địa chỉ: <http://mnoxuantien.namdinh.edu.vn/>

5. Thời gian niêm yết: Từ ngày 10/06/2024 đến ngày 10/07/2024.

6. Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường.

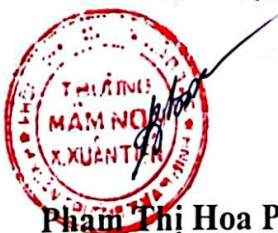
Kết thúc việc niêm yết sẽ được lập biên bản hoàn thành việc niêm yết công khai năm học 2023 – 2024.

7. Biên bản đã được thông qua tại cuộc họp với 100% ý kiến tán thành.

Hội nghị kết thúc vào hồi 8 giờ 30 phút cùng ngày.

Chủ tọa

Thư ký



Phạm Thị Hoa Phượng

Xiêm

Bùi Thị Hồng Xiêm

PHÒNG GD&ĐT XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN TIỀN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	<p>1) Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần; - 100% trẻ được cân đo và theo dõi sự phát triển theo đúng quy định. <p>+ Phát triển bình thường: 96,4%</p> <p>+ Suy dinh dưỡng nhẹ cân – thấp còi: 2,2%</p> <p>+ Nặng hơn độ tuổi: 1,75%</p> <p>Đạt 100%</p> <p>2) Chất lượng giáo dục: Đạt 85% trở lên;</p>	<p>1) Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần; - 100% trẻ được cân đo và theo dõi sự phát triển theo đúng quy định. <p>+ Phát triển bình thường: 96,4%</p> <p>+ Suy dinh dưỡng nhẹ cân – thấp còi: 2,2%</p> <p>+ Nặng hơn độ tuổi: 1,75%</p> <p>- Trẻ 3-4 tuổi đạt 90% trở lên;</p> <p>- Trẻ 4-5 tuổi đạt 90% trở lên;</p> <p>- Trẻ 5-6 tuổi đạt 95% trở lên;</p> <p>100% trẻ em năm tuổi hoàn thành chương trình GDMN.</p>
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Căn cứ chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020, nhà trường xây dựng mục tiêu nâng cao và nội dung giáo dục phù hợp với trẻ.	- Căn cứ chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020, Nhà trường xây dựng mục tiêu nâng cao và nội dung GD phù hợp với trẻ từng độ tuổi.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển thể chất phù hợp với độ tuổi đạt: 90% trở lên. - Phát triển nhận thức phù hợp với độ tuổi đạt: 90% trở lên. - Phát triển ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi đạt: 85% trở lên. - Phát triển thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi đạt: 90% trở lên. - Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với độ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển thể chất phù hợp với độ tuổi đạt: 90% trở lên. - Phát triển nhận thức phù hợp với độ tuổi đạt: 95% trở lên. - Phát triển ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi đạt: 90% trở lên. - Phát triển thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi đạt: 90% trở lên. - Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với độ tuổi đạt: 90%

		tuổi đạt: 85% trở lên.	trở lên.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Phối hợp với phụ huynh học sinh để thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ phát triển toàn diện.	- Phối hợp với phụ huynh học sinh để thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng các hoạt động lễ hội, tham quan dã ngoại...

Xuân Tiên, ngày 10 tháng 06 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hoa Phượng

PHÒNG GD&ĐT XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN TIẾN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	628			83	130	180	235
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	628			83	130	180	235
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	628			83	130	180	235
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	628			83	130	180	235
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	628			83	130	180	235
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	628			83	130	180	235
1	Số trẻ cân nặng bình thường	613			83	127	175	228
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4				3	1	0
3	Số trẻ thừa cân béo phì	11					4	7
4	Số trẻ có chiều cao bình thường	618			83	124	176	235
5	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	10				6	4	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	628			83	130	180	235
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	83			83			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	545				130	180	235

Xuân Tiến, ngày 10 tháng 06 năm 2024



Phạm Thị Hoa Phượng

PHÒNG GD&ĐT XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN TIẾN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	21	
II	Loại phòng học	21	-
1	Phòng học kiên cố	21	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	6695	11,21m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	3647	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	2.288	88m ² /phòng
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	390	15m ² /phòng
4	Diện tích sân chơi (m ²)	250	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	120	60m ² /bếp
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	21	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	21	1 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	5 bộ/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	0	Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	15		390		0.5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Xuân Tiến, ngày 10 tháng 06 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hoa Phượng

PHÒNG GD&ĐT XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN TIẾN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	55			18	27	5	5	2	40	1	33	5	0	2
I	Giáo viên	39			12	25	2								
1	Nhà trẻ	6			1	4	1		1	5	0	4	1		1
2	Mẫu giáo	33			11	21	1		1	32		26	4		1
II	Cán bộ quản lý	3			3						1				
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2			
III	Nhân viên	13			3	2	3	5							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên bảo vệ	2					2								
5	Nhân viên nuôi dưỡng	10			2	2	3	3							

Xuân Tiến, ngày 10 tháng 06 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hoa Phượng

THÔNG BÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CỦA HỌC SINH
Năm học 2023-2024

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Học phí từ T9 > T12 năm 2022	Ăn trưa từ T9 > T12 năm 2022	Học phí từ T1 > T05 năm 2023	Ăn trưa từ T1 > T05 năm 2023	Chi phí học tập cả năm	Tổng số tiền	Chú ý
1	Lương Hoàng Phước	08/09/2018	5TA1	180.000	640.000	225.000	800.000	0	1.845.000	
2	Ngô Quốc Phát	27/01/2018	5TA2	180.000	640.000	225.000	800.000	0	1.845.000	
3	Ngô Duy Khanh	19/05/2018	5TA4	180.000	640.000	225.000	800.000	0	1.845.000	
4	Mai Đức Tiến Lộc	13/11/2018	5TA6	180.000	640.000	0	0	0	820.000	
Tổng cộng				720.000	2.560.000	675.000	2.400.000	0	6.355.000	

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Xuân Tiên, ngày 10 tháng 06 năm 2024

Người lập

Mai Thị Hải

Hiệu trưởng



Phạm Thị Hoa Phượng

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU - CHI
NĂM HỌC 2023 – 2024**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD - ĐT)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Mức thu	Dư đầu kỳ	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Tiền học phí	90.000đ/tháng	0			
	Thu từ tháng 09/2023 đến tháng 05/2024			428.175.000		
	Cải cách tiền lương				170.766.000	
	Chi sửa chữa, mua sắm, bổ sung thiết bị dạy học: chi hoạt động, bảo vệ, vệ sinh....				256.149.000	
	Trả lại phụ huynh				1.260.000	
	Cộng			428.175.000	428.175.000	0
2	Thu phục vụ bán trú					
2.1	Tiền ăn bán trú	18.000đ/ngày	0			
	Thu tiền ăn bán trú			1.658.520.000		
	Chi tiền mua thực phẩm				1.658.520.000	
	Chi tiền trả lại phiếu dư phụ huynh học sinh, phiếu học sinh nghỉ học				31.482.000	
	Cộng			1.658.520.000	1.658.520.000	0
2.2	Tiền phụ phí (Chăm sóc, nuôi ăn bán trú)	2.000đ/ngày	0			
	Thu tiền phụ phí (Chăm sóc, nuôi ăn bán trú)			187.778.000		
	Chi tiền phụ phí (Chăm sóc, nuôi ăn bán trú)				184.280.000	

	Chi tiền trả lại phụ huynh học sinh nghỉ học				3.498.000	
	Cộng			187.778.000	187.778.000	0
2.3	Chi trả tiền trực ca trưa	5.000đ/ngày	0			
	Thu trả tiền trực ca trưa			469.445.000		
	Chi trả tiền trực ca trưa				460.700.000	
	Chi tiền trả lại phụ huynh học sinh nghỉ học				8.745.000	
	Cộng			469.445.000	469.445.000	0
3	Chi trả tiền thuê người hợp đồng nấu ăn	80.000đ/tháng	0			
	Thu trả tiền thuê người hợp đồng nấu ăn			380.720.000		
	Chi trả tiền thuê người hợp đồng nấu ăn				380.720.000	
	Cộng			380.720.000	380.720.000	0
4	Vệ sinh lớp học	18.000đ/tháng	0			
	Thu tiền vệ sinh lớp học			85.662.000		
	Chi trả tiền mua nước lau sàn, nước tẩy bồn cầu, giấy vệ sinh ...				85.662.000	
	Cộng			85.662.000	85.662.000	0
5	Tiền dạy thêm thứ 7	20.000đ/ngày	0			
	Thu tiền dạy thêm thứ 7			135.660.000		
	2% thuế				1.142.400	
	Chi 70% trả tiền làm thêm thứ 7 cho giáo viên, nhân viên .				94.162.400	

	Chi 15% trả tiền công cho cán bộ quản lý, thủ quỹ, kế toán.				20.177.600	
	Chi 15% hỗ trợ tiền điện, nước, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất.				20.177.600	
	Cộng			135.660.000	135.660.000	0
6	Tiền nước uống	10.000đ/tháng	0			
	Thu tiền nước uống			47.590.000		
	Chi trả tiền mua nước uống, chi trả tiền sửa chữa vòi, bình nước .				47.590.000	
	Cộng			47.590.000	47.590.000	0
7	Bổ sung đồ dùng nuôi ăn bán trú	200.000đ/trẻ	0			
	Thu tiền bổ sung đồ dùng nuôi ăn bán trú			19.600.000		
	Chi trả tiền mua bổ sung đồ dùng nuôi ăn bán trú.				19.600.000	
	Cộng			19.600.000	19.600.000	0
	Tổng cộng		0	3.444.632.000	3.444.632.000	0

Xuân Tiến, ngày 10 tháng 06 năm 2024



Phạm Thị Hoa Phượng